

Bắc Trà My, ngày 14 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II năm 2021

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND huyện Bắc Trà My công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2021, như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Thu nội địa thực hiện 06 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn huyện là: 73.249 triệu đồng/91.370 triệu đồng, đạt 80,2% dự toán HĐND huyện giao, tăng 47,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tất cả các nguồn thu đạt và vượt tiến độ so với dự toán như các khoản thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu về nhà, đất, thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, thu phí, lệ phí,...

Thu nội địa được hưởng theo phân cấp trong 06 tháng đầu năm 2021 là 53.345 triệu đồng, đạt 85,9% dự toán HĐND huyện giao.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 được HĐND huyện giao là 442.687 triệu đồng, ước thực hiện 06 tháng đầu năm là 273.808 triệu đồng, đạt 61,9% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 94,8% so với cùng kỳ. Cơ bản các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán giao, cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển: thực hiện 06 tháng đầu năm là 77.196 triệu đồng, đạt 122,5% dự toán, bằng 82,2% so với cùng kỳ.

b) Chi thường xuyên: thực hiện 06 tháng đầu năm là 196.611 triệu đồng, đạt 52,6% dự toán, bằng 100,9% so với cùng kỳ.

(Chi tiết theo các biểu PL số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN)

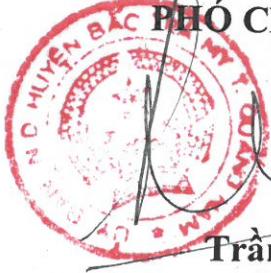
UBND huyện công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.n/n

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Quảng Nam;
- TT HU, HĐND, UBNDTQ Việt Nam huyện;
- Các cơ quan đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT UB, VT TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Toại

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐOÎ NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	91.370,000	317.747,652	347,8%	123,2%
I	Thu cân đối NSNN	91.370,000	73.249,079	80,2%	147,9%
1	Thu nội địa	91.370,000	73.249,079	80,2%	147,9%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0,000	244.498,573		117,3%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	442.687,000	273.808,230	61,9%	94,8%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	442.687,000	273.808,230	61,9%	94,8%
1	Chi đầu tư phát triển	62.994,000	77.196,347	122,5%	82,2%
2	Chi thường xuyên	373.962,000	196.611,883	52,6%	100,9%
3	Dự phòng ngân sách	5.731,000	0,000	0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		0,000		

UỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Uớc thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	91.370,000	73.249,079	80,2%	147,9%
I	Thu nội địa	91.370,000	73.249,079	80,2%	147,9%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	48.600,000	40.377,019	83,1%	160,8%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0,000	1.984,445		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.690,000	14.998,984	72,5%	117,2%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.700,000	855,551	50,3%	107,1%
5	Thuế bảo vệ môi trường		0,000	0,0%	
6	Lệ phí trước bạ	5.000,000	2.988,199	59,8%	106,4%
7	Thu phí, lệ phí	960,000	561,796	58,5%	99,0%
8	Các khoản thu về nhà, đất	7.710,000	7.083,288	91,9%	138,3%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>		0,237		31,6%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	7.600,000	7.027,406	92,5%	139,4%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	110,000	55,645	50,6%	71,7%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xô sô kiến thiết	0,000	0,000	0,0%	
10	Thu khác ngân sách	2.010,000	1.158,663	57,6%	163,2%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0,000	0,000	0,0%	
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	4.700,000	3.241,136	69,0%	200,7%
II	Thu viện trợ	0,000	0,000	0,0%	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO	62.128,000	53.345,479	85,9%	152,9%
1	Từ các khoản thu phân chia	18.788,000	14.162,775	75,4%	137,9%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	43.340,000	39.182,704	90,4%	159,2%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	442.687,000	273.808,230	61,9%	94,8%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	442.687,000	273.808,230	61,9%	94,8%
I	Chi đầu tư phát triển	62.994,000	77.196,347	122,5%	82,2%
1	Chi đầu tư cho các dự án	62.994,000	77.196,347	122,5%	82,2%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	373.962,000	196.611,883	52,6%	100,9%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	199.048,000	105.910,836	53,2%	117,6%
2	Chi khoa học và công nghệ	400,000	10,500	2,6%	21,5%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.482,000	776,264	31,3%	84,9%
4	Chi văn hóa thông tin	5.434,000	1.622,997	29,9%	82,2%
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.626,000	491,449	30,2%	95,2%
6	Chi thể dục thể thao	1.374,000	300,104	21,8%	1292,2%
7	Chi bảo vệ môi trường	1.685,000	264,841	15,7%	51,8%
8	Chi hoạt động kinh tế	40.363,000	25.170,863	62,4%	83,8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	87.512,000	41.284,753	47,2%	105,8%
10	Chi bảo đảm xã hội	20.822,000	13.145,698	63,1%	54,9%
III	Dự phòng ngân sách	5.731,000			
IV	Chi từ nguồn thu phí bảo vệ MT đối với khai thác khoáng sản				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				